

(*) Nguyên nhân giảm doanh thu và lợi nhuận sau thuế:

Theo báo cáo tài chính lập tại thời điểm ngày 31/03/2017, tình hình vốn Chủ sở hữu như sau:

STT	Cổ đông	01/01/2017		31/03/2017	
		Tổng số vốn đã góp	Tỷ lệ vốn góp	Tổng số vốn đã góp	Tỷ lệ vốn góp
		VND	%	VND	%
1	2	3	4	5	6
1	Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	74,255,110,000	48.04%	74,255,110,000	48.04%
2	Các cổ đông khác	80,318,720,000	51.96%	80,318,720,000	51.96%
	Cộng	154,573,830,000	100%	154,573,830,000	100%

Theo Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu tại khoản 4, Điều 2 “Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu” thì Công ty Cổ phần Tổng công ty Công trình đường sắt không được tham gia đấu thầu các dự án công trình thuộc ngành đường sắt và Bộ giao thông vận tải làm chủ đầu tư. Vì vốn đầu tư của Tổng công ty đường sắt Việt Nam đang nắm giữ tại Công ty là 48,04% vốn điều lệ (theo quy định phải dưới 30% thì được tham gia đấu thầu).

Với nguyên nhân chủ yếu trên, Công ty không tìm kiếm được việc làm, không được tham gia đấu thầu các dự án thuộc ngành đường sắt và Bộ GTVT làm chủ đầu tư. Do đó tổng doanh thu giảm 37,7% dẫn đến lợi nhuận sau thuế TNDN Quý 1/2017 của Công ty giảm 80% so với cùng kỳ năm 2016.

2. Báo cáo kết quả hoạt động SXKD hợp nhất toàn Tổng công ty:

Chỉ tiêu	Quý 1/2017	Quý 1/2016	Tăng, giảm so với năm 2016	
1	2	3	4	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	94,273,856,101	184,000,710,088		
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	8,561,355	7,988,716		
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	94,265,294,746	183,992,721,372	Giảm	49%
4. Giá vốn hàng bán	72,002,517,972	146,032,974,027	Giảm	51%
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	22,262,776,774	37,959,747,345	Giảm	41%
6. Doanh thu hoạt động tài chính	110,362,647	1,072,005,474	Giảm	90%
7. Chi phí tài chính	5,699,809,179	5,758,081,603	Giảm	1%
- Trong đó: Chi phí lãi vay	5,699,809,179	5,485,284,421		
8. Chi phí bán hàng	589,158,621	473,553,002	Tăng	24%
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	17,043,376,991	24,679,953,793	Giảm	31%
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(959,205,370)	8,420,164,421	Giảm	112%
11. Thu nhập khác	613,011,003	281,862,995		
12. Chi phí khác	241,080,944	1,175,000,244		
13. Lợi nhuận khác	371,930,059	(893,137,249)		
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(587,275,311)	7,227,027,172	Giảm	108%
15. Thuế TNDN	378,250,723	3,464,122,817		
16. Lợi nhuận sau thuế TNDN	(965,526,034)	3,762,904,355	Giảm	126%

(*) Nguyên nhân giảm doanh thu và lợi nhuận sau thuế:

Do sự sụt giảm về doanh thu và lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ, dẫn đến kết quả kinh doanh của toàn Tổng công ty bị giảm sút về mặt lợi nhuận (giảm